

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2026/DS-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huy và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2238/2026/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 832/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Chị **Trần Thị Ánh N**, sinh ngày 07/12/1995;

Căn cước công dân: 089195017250

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

- Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh ngày 01/01/1940

Căn cước công dân: 089140004665

Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

- Chị **Trần Thị Ngọc S**, sinh ngày 01/8/1993;

Địa chỉ: B D, TX G U.

- Chị **Trần Thị Phương T**, sinh ngày 24/6/1998;

Căn cước công dân: 089198014281

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

- Chị **Trần Thị Ngọc T1**, sinh ngày 15/11/2001;

Căn cước công dân: 089301011605

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

- Chị **Trần Thị Ngọc M**, sinh ngày 25/5/2003;

Căn cước công dân: 089303007192

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M là chị Trần Thị Ánh N, sinh ngày 07/12/1995; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2025).

- Chị **Trần Thị Ngọc A**, sinh ngày 01/02/2010;

Căn cước công dân: 089310002093

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

Người giám hộ của Trần Thị Ngọc A: Chị Trần Thị Ánh N, sinh ngày 07/12/1995; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Hồ Long B**, sinh năm 1971.

Căn cước công dân số: 089071002494;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

(Có mặt chị N, **ông B**)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ánh N (Chị Trần Thị Ánh N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M, chị Trần Thị Ngọc A) trình bày:*

Cha chị N là ông Trần Ngọc X (đã chết năm 2023), ông X là chủ hộ kinh doanh cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu N. Vào ngày 02/12/2020 ông Hồ Long B có vay của ông X số tiền 70.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ hẹn tới vụ đông xuân năm 2021 sẽ trả; việc vay có làm biên nhận do ông B viết, ký và ghi họ tên. Đến thời hạn trả nợ, ông X nhiều lần yêu cầu nhưng ông B không trả số tiền trên cho ông X. Đến nay, ông B vẫn còn nợ lại ông X số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ cho ông X khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền gốc còn nợ là 70.000.000 đồng; đối với tiền lãi yêu cầu ông B trả lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 02/12/2020 đến ngày 16/7/2026 làm tròn là 05 năm 07 tháng, thành tiền lãi là 78.166.667 đồng. Tổng gốc và lãi ông B phải trả là 148.166.667 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Long B trình bày:***

- Ông thống nhất thừa nhận có vay số tiền 70.000.000 đồng của ông X như nguyên đơn trình bày, hai bên có làm biên nhận ngày 02/12/2020, biên nhận do ông viết, ký và ghi họ tên; hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ hẹn tới vụ đông xuân/năm 2021 sẽ trả. Trong thời gian vay ông có trả lãi cho ông X nhưng không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu và việc giao số tiền trả lãi hai bên không làm biên nhận nên ông không có chứng cứ để chứng minh về việc đã trả lãi cho ông X.

Tính đến ngày 06/7/2026, ông còn nợ lại ông X số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ cho ông X, ông thống nhất thừa nhận còn nợ số tiền gốc là 70.000.000 đồng; đối với tiền lãi nguyên đơn yêu cầu ông trả lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 02/12/2020 đến ngày 06/7/2026 làm tròn là 05 năm 07 tháng, thành tiền lãi là 78.166.667 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế hiện nay của ông đang gặp khó khăn nên ông đồng ý trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng cho nguyên

đơn và xin không trả khoản tiền lãi 78.166.667 đồng.

Tại phiên tòa, chị N, ông B có mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính biên nhận ngày 02/12/2020. Bị đơn ông B thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn và bị đơn ông Hồ Long B đã thống nhất được với nhau về số nợ gốc là 70.000.000 đồng nhưng chưa thống nhất được với nhau về thời gian và phương thức thanh toán. Đến thời hạn trả nợ, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay ông B vẫn không trả số tiền vay còn nợ; điều này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu ông B trả tiền lãi đối với số tiền vay 70.000.000 đồng theo quy định của pháp luật là 20%/năm tính từ ngày 02/12/2020 đến ngày 16/7/2026 làm tròn là 05 năm 07 tháng, thành tiền lãi là 78.166.667 đồng. Ông B thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền lãi theo thỏa thuận tính từ ngày 02/12/2020 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông B xin

không trả tiền lãi. Xét thấy, yêu cầu xin không trả lãi của ông B không được nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M, chị Trần Thị Ngọc A.

1. Buộc ông Hồ Long B trả cho chị Trần Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M, chị Trần Thị Ngọc A số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/7/2026 là 148.166.667 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*); trong đó, số tiền gốc là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), số tiền lãi là 78.166.667 đồng (*Bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M, chị Trần Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền ông Hồ Long B phải trả cho chị Trần Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M,

chị Trần Thị Ngọc A) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Hồ Long B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Long B phải chịu 7.408.333 đồng (*Bảy triệu bốn trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Trần Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M, chị Trần Thị Ngọc A số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002218 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Ngọc S, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc M, chị Trần Thị Ngọc A, ông **Hồ Long B** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Dương Thị Bé Thi

